

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh T

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Kim B, sinh năm 1989 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ap TP, X TB, H BT, T VL

- Bị đơn: Anh Trương Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ap VS, X HT, H GR, T KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022 chị Mai Thị Kim B trình bày: Chị B và anh T tự tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý T1 tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình hôn nhân giữa chị và anh T sống hạnh phúc thời gian và sinh được 01 người con Trương Thanh T1 ngày 03/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng lên Bình Dương sinh sống và làm thuê thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Nay chị xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh T.

Về con chung: Chị Kim B xác định chị và anh T có 01 người con Trương Thanh T1, sinh ngày 03/3/2017, hiện cháu đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Trương Thanh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Kim B và anh T chưa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, chị Kim B cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị Kim B xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó xét thấy hôn nhân giữa chị Kim B và anh T đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung chị Kim B xác định có 01 người con Trương Thanh T1, sinh ngày 03/3/2017, hiện đang sống cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn

không công nhận vợ chồng giữa chị Kim B và anh T. Về con chung: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình tố tụng anh T không có chứng cứ chứng minh chị Kim B không đảm bảo việc nuôi con nên đề nghị tiếp tục giao con cho chị Kim B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kim B không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã T1 hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Trương Thanh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Voi Sơn, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Mai Thị Kim B và anh Trương Thanh T chung sống như vợ chồng từ năm 2016 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hôn nhân của chị Kim B và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình chị Kim B và anh T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Kim B có với nhau 01 người con chung tên Trương Thanh T1, sinh ngày 03/3/2017, chị Kim B đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình tố tụng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh chị Kim B không chăm sóc hay không đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển của con và quyền lợi ích của con, nghị nên tiếp tục giao con cho chị Kim B trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Kim B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Kim B đã nộp 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí tòa án số 0005939 ngày 30/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Kim B và anh Trương Thanh T

2. Về nuôi con: Giao cháu Trương Thanh T1, sinh ngày 03/3/2017, chị Mai Thị Kim B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Trương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí tòa án số 0005939 ngày 30/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Mai Thị Kim B và anh Trương Thanh T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhên

